

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-MĐC ngày tháng năm của Hiệu trưởng trường
Đại học Mỏ - Địa chất)*

Ngành đào tạo:	Kỹ thuật Địa chất	Mã số: 52520501
Chuyên ngành đào tạo:	Địa chất	Mã số: 5252050101
Trình độ đào tạo:	Đại học	
Loại hình đào tạo:	Chính quy tập trung	
Bộ môn chủ quản đào tạo:	Tìm kiếm - Thăm dò	

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Mục tiêu của chương trình đào tạo chuyên ngành Địa chất nhằm đào tạo những kỹ sư địa chất có bản lĩnh chính trị, tác phong đạo đức, trình độ học vấn, chuyên môn và đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của ngành kỹ thuật Địa chất. Ngoài ra, kỹ sư chuyên ngành Địa chất còn được trang bị kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, ngoại ngữ, phương pháp làm việc theo nhóm, kỹ năng trình bày và giao tiếp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức: Đào tạo các kỹ sư có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe, có kiến thức tổng hợp về ngành kỹ thuật Địa chất và có các kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Địa chất.

Kỹ năng: Các kỹ sư tốt nghiệp chuyên ngành Địa chất có kiến thức cơ sở chuyên môn vững chắc có khả năng thích ứng tốt với những công việc khác nhau thuộc lĩnh vực nghiên cứu địa chất như: đo vẽ bản đồ địa chất, điều tra đánh giá tài nguyên khoáng sản và tìm kiếm, thăm dò các mỏ khoáng sản rắn; Ngoài ra, các sinh viên còn có kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu về cấu trúc kiến tạo, khoáng sản, thạch luận các đá magma, trầm tích và biến chất, dự báo tài nguyên khoáng sản rắn. Có khả năng ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong nghiên cứu địa chất nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc.

Thái độ: Các kỹ sư tốt nghiệp chuyên ngành Địa chất có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân tốt, có tác phong làm việc chuyên nghiệp, có khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp: Sinh viên tốt nghiệp có năng lực làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, các công ty, tổng công ty thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng,..., Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, các Liên Đoàn Địa chất thuộc Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, các Viện nghiên cứu, trung tâm Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố. Các kỹ sư chuyên ngành Địa chất có thể làm việc trong các đơn vị đào tạo, các đơn vị nghiên cứu, sản xuất địa chất và khai thác khoáng sản hoặc học tiếp ở bậc học cao hơn.

Trình độ ngoại ngữ: Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp cơ bản và đọc tài liệu phục vụ cho công tác chuyên môn.

Trình độ tin học: Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tư duy logic tốt, có năng lực sáng tạo để giải quyết các bài toán ứng dụng trong lĩnh vực nghiên cứu địa chất. Sử dụng thành thạo một số phần mềm chuyên dụng trong nghiên cứu địa chất.

2. Thời gian đào tạo: 5 năm

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ): 159÷161

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của BGD&ĐT

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

5.1. Quy trình đào tạo:

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, theo “Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ” (Ban hành theo quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH, ngày 18 tháng 04 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở-Địa chất; Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ).

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên có đủ điều kiện như quy định tại Điều 27 của quyết định 43/2007/QĐ-BGD&ĐT và Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp, cụ thể:

- Đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Tích lũy đủ số học phần theo chương trình đào tạo. Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa phải đạt từ 2,00 trở lên

- Các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng đạt theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Tin học.

6. Thang điểm

Theo Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH của Trường Đại học Mở-Địa chất; Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình:

159 ÷ 161 TC

7.1. Kiến thức giáo dục đại cương:

49 TC

- Kiến thức bắt buộc:

43 TC

- Kiến thức tự chọn:

6 TC

7.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:

110 ÷ 112 TC

- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc:

28 TC

- Kiến thức chuyên ngành:

68 ÷ 70 TC

- Thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp:

7 TC

- Đồ án tốt nghiệp:

7 TC

8. Nội dung kiến thức đào tạo

TT	Mã HP	Mã số	Số TC	Bộ môn quản lý
I	Kiến thức giáo dục đại cương		49	
I.1	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc		43	
1	4020101	Nguyên lý cơ bản của CN Mác - Lê Nin 1	2	Nguyên lý CB của chủ nghĩa Mác - Lênin
2	4020102	Nguyên lý cơ bản của CN Mác Lê Nin 2	3	Nguyên lý CB của chủ nghĩa Mác - Lênin
3	4020301	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam	3	Đường lối cách mạng của ĐCS Việt Nam
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh
5	4010613	Tiếng Anh 1	3	Ngoại ngữ
6	4010614	Tiếng Anh 2	3	Ngoại ngữ
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	Giáo dục thể chất
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	Giáo dục thể chất
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	Giáo dục thể chất
10	4020103	Pháp luật đại cương	2	Pháp luật
11	4010101	Đại số	3	Toán

12	4010102	Giải tích 1	4	Toán
13	4010103	Giải tích 2	3	Toán
14	4010201	Vật lý đại cương 1+ TN	3	Vật lý
15	4010202	Vật lý đại cương 2 +TN	3	Vật lý
16	4010301	Hoá học đại cương 1 + TN	3	Hoá
17	4080201	Tin học đại cương (dùng cho kỹ thuật)	3	Tin học cơ bản
I.2	Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn (A) (chọn 6 TC)		6	
18	4010303	Hoá vô cơ phần 1 + TN	3	Hoá
19	4010305	Hoá phân tích phần 1 + TN	3	Hoá
20	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	3	Hoá
II	Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc		28	
21	4040101	Địa chất đại cương	3	Địa chất
22	4040301	Tinh thể khoáng vật + TT	3	Khoáng thạch và địa hóa
23	4040304	Thạch học 1 + TT	4	Khoáng thạch và địa hóa
24	4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	2	Địa chất
25	4050526	Trắc địa đại cương	2	Trắc địa Mỏ
26	4050527	Thực tập trắc địa đại cương	1	Trắc địa Mỏ
27	4040104	Địa chất cấu tạo & đo vẽ bản đồ địa chất	3	Địa chất
28	4040106	Địa chất Việt Nam	2	Địa chất
29	4060142	Địa vật lý đại cương	2	Địa vật lý
30	4060143	Thực tập Địa vật lý đại cương	1	Địa vật lý
31	4040616	Cơ sở địa chất thủy văn - ĐC công trình	3	Địa chất thủy văn
32	4060436	Kỹ thuật khoan	2	Khoan - khai thác
III	Kiến thức giáo dục chuyên ngành		68-70	
III.1	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc		38	
III.1.1	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành		9	
33	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	3	Hình hoạ
34	4010501	Cơ lý thuyết 1	3	Cơ lý thuyết
35	4040406	Tiếng anh chuyên ngành Địa chất	3	Khoáng sản
III.1.2	Kiến thức chuyên ngành		29	
36	4040310	Địa hoá	2	Khoáng thạch và địa hóa
37	4040401	Địa chất các mỏ khoáng + TT	3	Khoáng sản
38	4040402	Các mỏ khoáng kim loại + TT	3	Khoáng sản
39	4040403	Các mỏ khoáng không kim loại + TT	3	Khoáng sản
40	4040404	Các mỏ nhiên liệu	2	Khoáng sản
41	4040201	Phương pháp tìm kiếm mỏ khoáng + TT	3	Tìm kiếm thăm dò
42	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	4	Tìm kiếm thăm dò
43	4040111	Địa chất môi trường	2	Địa chất
44	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	2	Khai thác mỏ
45	4040113	TT Địa chất đại cương	2	Địa chất
46	4040115	TT Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	3	Địa chất
III.2	Kiến thức chuyên ngành chọn		30-32	
III.2.1	Kiến thức chuyên ngành chọn theo hướng chuyên sâu		14-16	
III.2.1.1	Hướng chuyên sâu (DCDC1): Địa chất thăm dò và khoáng sản		15	
47	4040202	Toán địa chất	2	Tìm kiếm thăm dò
48	4040405	Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng	2	Khoáng sản
49	4040408	Khoáng tướng + TT	3	Khoáng sản
50	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	Tuyển khoáng
51	4040204	PP đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	2	Tìm kiếm thăm dò
52	4040205	Tin ứng dụng trong địa chất	2	Tìm kiếm thăm dò
53	4040207	Địa chất mỏ	2	Tìm kiếm thăm dò
III.2.1.2	Hướng chuyên sâu (DCDC2): Địa chất khu vực và địa chất môi trường		14	

47	4040405	Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng	2	Khoáng sản
48	4040205	Tin ứng dụng trong địa chất	2	Tìm kiếm thăm dò
49	4040136	Ứng dụng địa chất cấu tạo trong nghiên cứu tai biến địa chất	2	Địa chất
50	4040112	Kiến tạo mảng	2	Địa chất
51	4040108	Địa chất biến đại cương	2	Địa chất
52	4040117	Phân tích cấu tạo nhỏ	2	Địa chất
53	4060202	Phân tích bề trầm tích	2	Địa chất Dầu khí
III.2.1.3 Hướng chuyên sâu (DCDC3): Địa hóa - khoáng vật - thạch học			15	
47	4040117	Phân tích cấu tạo nhỏ	2	Địa chất
48	4040302	Khoáng vật chuyên ngành	2	Khoáng thạch và địa hóa
49	4040408	Khoáng tướng + TT	3	Khoáng sản
50	4040204	PP đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	2	Tìm kiếm thăm dò
51	4040311	Địa hóa môi trường	2	Khoáng thạch và địa hóa
52	4040306	Thạch học chuyên ngành phần 1	2	Khoáng thạch và địa hóa
53	4040307	Thạch học chuyên ngành phần 2	2	Khoáng thạch và địa hóa
III.2.1.4 Hướng chuyên sâu (DCDC4): Địa chất biển			16	
47	4040901	Các phương pháp nghiên cứu biển	2	Địa chất biển
48	4040103	Cổ sinh địa sử	2	Địa chất
49	4040108	Địa chất biến đại cương	2	Địa chất
50	4040902	Môi trường trầm tích	2	Địa chất biển
51	4040903	Các quá trình thủy động học và vận chuyển trầm tích	2	Địa chất biển
52	4040904	Tiến hóa đới bờ	2	Địa chất biển
53	4040109	Phương pháp viễn thám trong địa chất	2	Địa chất
54	4040412	Khoáng sản biến đại cương	2	Khoáng sản
III.2.1.5 Hướng chuyên sâu (DCDC5): Địa chất mỏ			15	
47	4050505	Hình học mỏ	4	Trắc địa Mỏ
48	4100139	An toàn và bảo vệ môi trường trong xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	XD CT ngầm và mỏ
49	4040204	PP đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	2	Tìm kiếm thăm dò
50	4040208	Cơ sở địa chất và phương pháp thăm dò than	2	Tìm kiếm thăm dò
51	4040207	Địa chất mỏ	2	Tìm kiếm thăm dò
52	4040209	Công tác địa chất trong các xí nghiệp khai thác than	2	Tìm kiếm thăm dò
53	4040211	Thực tập địa chất mỏ	1	Tìm kiếm thăm dò
III.2.2 Kiến thức chuyên ngành chọn theo khoa (B) (chọn 8 TC)			8	
54	4040413	Khoáng sản Việt Nam	2	Khoáng sản
55	4040218	Luật khoáng sản và luật bảo vệ môi trường	2	Tìm kiếm thăm dò
56	4040206	Hệ thống thông tin địa lý trong địa chất	2	Tìm kiếm thăm dò
57	4110232	Địa hóa sinh thái môi trường	2	Khoáng thạch và địa hóa
58	4040303	Khoáng vật sét	2	Khoáng thạch và địa hóa
59	4040109	Phương pháp viễn thám trong địa chất	2	Địa chất
60	4040108	Địa chất biến đại cương	2	Địa chất
61	4040117	Phân tích cấu tạo nhỏ	2	Địa chất
62	4060124	Địa nhiệt	2	Địa vật lý
III.2.3 Kiến thức chuyên ngành chọn theo trường (C) (chọn 8 TC)			8	
63*	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2	
64*	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2	
65	4010403	Autocad	2	Hình họa
66	4010615	Tiếng Anh 3	2	Ngoại ngữ
67	4010616	Tiếng Anh 4	2	Ngoại ngữ
68	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	Môi trường cơ sở
69	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2	Quản trị doanh nghiệp địa

				chất và dầu khí
70	4050302	Cơ sở viễn thám	2	Đo ảnh và viễn thám
71	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	Xây dựng công trình ngầm và mỏ
IV	Thực tập sản xuất và tốt nghiệp		7	
72	4040120	Thực tập sản xuất	3	Địa chất
73	4040219	Thực tập sản xuất	3	Tìm kiếm thăm dò
74	4040314	Thực tập sản xuất	3	Khoáng Thạch – Địa hóa
75	4040121	Thực tập tốt nghiệp	4	Địa chất
76	4040220	Thực tập tốt nghiệp	4	Tìm kiếm thăm dò
77	4040315	Thực tập tốt nghiệp	4	Khoáng Thạch – Địa hóa
78	Đồ án tốt nghiệp		7	
79	4040122	Đồ án tốt nghiệp	7	Địa chất
80	4040221	Đồ án tốt nghiệp	7	Tìm kiếm thăm dò
81	4040316	Đồ án tốt nghiệp	7	Khoáng Thạch – Địa hóa
82	4040414	Đồ án tốt nghiệp	7	Khoáng sản
		Tổng cộng	161	

KHOA KHKT ĐỊA CHẤT



PGS.TS Nguyễn Văn Lâm

BỘ MÔN TÌM KIẾM THĂM DÒ



TS Nguyễn Tiến Dũng

KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN CHUYÊN NGÀNH ĐỊA CHẤT (HƯỚNG CHUẨN SÂU : ĐỊA CHẤT KHU VỰC VÀ ĐỊA CHẤT MÔI TRƯỜNG)

HK1(18TC)	HK2(16TC)	HK3(18TC)	HK4(18TC)	HK5(18TC)	HK6(18TC)	HK7(15TC)	HK8(15TC)	HK9(17TC)	HK10(11TC)
4020101 2() Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN1	4020102 3() Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN2	4040101 3() Địa chất đại cương	4040107 2() Địa mạo và trầm tích Đệ tứ	4040310 2() Địa hóa	4040402 3() Các mỏ khoáng kim loại + TT	4040205 2() Tin ứng dụng trong Địa chất	4040108 2() Địa chất biến đại cương	4020301 3() Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	4040121 4() Thực tập tốt nghiệp
4010102 4() Giải tích 1	4010103 3() Giải tích 2	4040301 3() Tinh thể khoáng vật + TH	4010406 3() Hình họa và vẽ kỹ thuật+BTL	4040401 3() Địa chất các mỏ khoáng + TH	4040201 3() Phương pháp tìm kiếm mỏ khoáng + TH	4040136 2() Ứng dụng DC cấu tạo trong nghiên cứu Tai biến DC	4040405 2() Kiến trúc trường quặng và mỏ khoáng	4030225 2() Cơ sở khai thác mỏ	4040122 7() Đồ án tốt nghiệp
4010101 3() Đại số	4010201 3() Vật lý đại cương A1+TN	4010202 3() Vật lý đại cương A2+TN	4040304 4() Thạch học 1+TN	4040104 3() Địa chất cấu tạo và do vẽ bản đồ DC	4040115 3() TT ĐCCT và do vẽ bản đồ DC	4060436 2() Kỹ thuật khoan	4040111 2() Địa chất môi trường	4040106 2() Địa chất Việt Nam	
4010601 3() Tiếng anh NEF1	4010602 3() Tiếng Anh NEF2	4010501 3() Cơ học lý thuyết 1	4050526 2() Trắc địa đại cương	4040616 3() Cơ sở Địa chất thủy văn - Địa chất công trình	4040404 2() Các mỏ nhiên liệu	4040112 2() Kiến tạo mang	4040117 2() Phân tích cấu tạo nhỏ	4040203 4() Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	
4010701 1() Giáo dục thể chất 1	4010301 3() Hóa học đại cương phần 1+TN	4010703 1() Giáo dục thể chất 3	4050527 1() Thực tập Trắc địa	4060142 2() Địa vật lý đại cương	4040403 3() Các mỏ khoáng không kim loại + TT	4040101 2() Tiếng anh chuyên ngành DC	4040120 3() TT sản xuất	4060202 2() Phân tích bề trầm tích	
4020103 2() Pháp luật đại cương	4010702 1() Giáo dục thể chất 2	4020201 2() Tư tưởng Hồ Chí Minh	4040113 2() Thực tập Địa chất đại cương	4060143 1() TT Địa vật lý đại cương	4040403 3() Các mỏ khoáng không kim loại + TT	4040101 2() Tiếng anh chuyên ngành DC	4040120 3() TT sản xuất	4060202 2() Phân tích bề trầm tích	
4080201 3() Tin học đại cương+TH		4010704 1() Giáo dục thể chất 4	4010704 1() Giáo dục thể chất 4	4010705 1() Giáo dục thể chất 5	4040403 3() Các mỏ khoáng không kim loại + TT	4040101 2() Tiếng anh chuyên ngành DC	4040120 3() TT sản xuất	4060202 2() Phân tích bề trầm tích	

Các môn học tự chọn A

- chọn 6 tín chỉ
- 4010303 3()
Hóa vô cơ phần 1 - TN
 - 4010305 3()
Hóa phân tích 1 - TN
 - 4010307 3()
Cân bằng pha và hóa học - TN

Các môn học tự chọn B

- chọn 8 tín chỉ
- 4040103 2()
Cơ sinh địa sự
 - 4040118 2()
Cơ sở sinh địa
 - 4040119 2()
Phương pháp sinh địa
 - 4040120 2()
Địa chất địa lý ứng dụng trong DC (GIS)
 - 4040121 2()
Trần tích học
 - 4040122 2()
Khai thác mỏ và địa chất

Các môn học tự chọn C

- chọn 8 tín chỉ
- 4000001 2()
Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính
 - 4010603 2()
Tiếng Anh KET1
 - 4010604 2()
Tiếng Anh KET2
 - 4000002 2()
Tâm lý học đại cương

Mã học phần

Chú thích

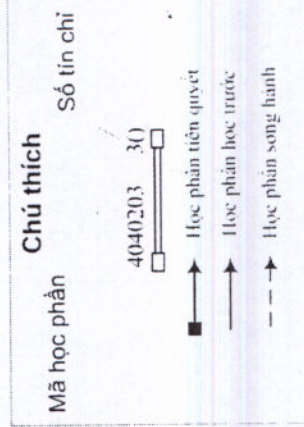
Số tín chỉ

4090201 2()

Học phần tiên quyết

KẾ HOẠCH HỌC TẬP CHUẨN CHUYÊN NGÀNH ĐỊA CHẤT (HƯỚNG CHUYÊN SÂU: ĐỊA CHẤT THÂM ĐỘ VÀ KHOÁNG SẢN)

HK1(15TC)	HK2(16TC)	HK3(21TC)	HK4(18TC)	HK5(18TC)	HK6(18TC)	HK7(17TC)	HK8(16TC)	HK9(15TC)	HK10(11TC)
402010102 3(0) Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN1	4020102 3(0) Nguyên lý cơ bản của CN Mac-LN2	4020201 2(0) Tư tưởng Hồ Chí Minh	4010406 3(0) Hình họa và vẽ kỹ thuật-BTL	4040101 3(0) Cơ sở DC TV+DCCT	4040104 3(0) Thực tập DCCT và vẽ Bản đồ DC	4060436 2(0) Kỹ thuật khoan	4040402 3(0) Khoáng tướng+TH	4020301 3(0) Đường lối CM của Đảng CSVN	4040220 4(0) Thực tập tốt nghiệp
4010102 4(0) Giải tích 1	4010103 3(0) Giải tích 2	4010501 3(0) Cơ học lý thuyết 1	4050526 2(0) Trắc địa đại cương	4060142 2(0) Địa vật lý đại cương	4040201 3(0) Phương pháp kiểm mô khoáng-TH	4040203 3(0) Phương pháp thăm dò mỏ	4040204 2(0) Tài nguyên khoáng	4030225 2(0) Cơ sở khai thác mỏ	4040221 7(0) Đồ án tốt nghiệp
4010101 3(0) Đại số	4010201 3(0) Vật lý đại cương A1+TN	4010202 3(0) Vật lý đại cương A2+TN	4050527 1(0) Thực tập Trắc địa đại cương	4060143 1(0) Thực tập Địa vật lý đại cương	4040402 3(0) Các mỏ khoáng kim loại+TH	4040222 1(0) Đồ án Phương pháp thăm dò mỏ	4040219 3(0) Thực tập SX	4040106 2(0) Địa chất Việt Nam	
4080201 3(0) Tin học đại cương-TH	4010601 3(0) Tiếng Anh PET1	4040101 3(0) Địa chất đại cương	4040107 2(0) Địa mạo và Trắc địa đại cương	4040104 3(0) Địa chất cấu tạo và vẽ BĐDC	4040403 3(0) Các mỏ khoáng không kim loại+TH	4040202 2(0) Toán địa chất	4030422 2(0) Cơ sở tuyển khoáng	4040207 2(0) Địa chất mỏ	
4010701 1(0) Giáo dục thể chất 1	4010301 3(0) Tính thể	4040301 3(0) Khoáng vật+TH	4040304 4(0) Thách học 1-TH	4040310 2(0) Địa hóa	4040404 2(0) Các mỏ nhiên liệu	4040405 2(0) Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng	4040111 2(0) Địa chất môi trường	4040205 2(0) Tin ứng dụng trong địa chất	
4020103 2(0) Pháp luật đại cương	4010702 1(0) Giáo dục thể chất 2	4010602 3(0) Tiếng Anh PET2	4040113 2(0) Thực tập Địa chất đại cương	4040401 3(0) Địa chất các mỏ khoáng+TH	4040401 2(0) Môn học tự chọn B(khoảng 04)	4040406 3(0) Tiếng Anh	4040104 2(0) Môn học tự chọn B(khoảng 04)	4040202 2(0) Môn học tự chọn B(khoảng 04)	
		4010703 1(0) Giáo dục thể chất 3	4010704 1(0) Giáo dục thể chất 4	4010705 1(0) Môn học tự chọn A(ngành DC/DC)	4010602 2(0) Môn học tự chọn B(khoảng 04)			4040203 3(0) Học phần tiên quyết	



Các môn học tự chọn C chọn 8 tín chỉ

4000001 2(0) Kỹ năng soạn thảo văn bản QL hành chính	4110114 2(0) Môn trường và phát triển bền vững
4000005 2(0) Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	4070331 2(0) Quản trị dự án
4010403 2(0) AutoCAD	4050302 2(0) Đầu tư
4010603 2(0) Tiếng Anh 3	4080167 2(0) Cơ sở kiến thức
4010604 2(0) Tiếng Anh 4	4080167 2(0) Cơ sở kiến thức

Các môn học tự chọn B chọn 8 tín chỉ

4040109 2(0) Phương pháp nghiên cứu tham vọng địa chất	4040206 2(0) Hệ thống thông tin địa lý
4040413 2(0) Khảo sát và vẽ bản đồ địa chất	4040218 3(0) Tuyển khoáng sản và khai thác mỏ
4040108 2(0) Địa chất học	4040117 3(0) Phân tích và xử lý dữ liệu
4040318 2(0) Địa chất học	4040123 2(0) Địa chất học

Các môn học tự chọn A chọn 6 tín chỉ

4010303 3(0) Hóa vô cơ phần 1+TN	4010305 3(0) Hóa phân tích phần 1+TN
4010307 3(0) Cán bằng pháp và toán kinh tế TN	

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

Phiên bản: Phiên bản (PB)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	DA	LA	TT	TS
Chương trình chung của ngành														
Học Kỳ Thứ 1														
1	4010101	Đại số	3				45							45
2	4010102	Giải tích 1	4				60							60
3	4020101	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2				30							30
4	4020103	Pháp luật đại cương	2				30							30
5	4080201	Tin học đại cương +TH (dùng cho Kỹ thuật)	3				30		15					45
Học Kỳ Thứ 2														
1	4010613	Tiếng Anh 1	3				45							45
2	4010103	Giải tích 2	3				45							45
3	4010201	Vật lý đại cương A1 + TN	3				30		15					45
4	4010301	Hóa học đại cương phần 1 + TN	3				30		15					45
5	4020102	Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3				45							45
6	4010701	Giáo dục thể chất 1	1				15							15
Học Kỳ Thứ 3														
1	4010614	Tiếng Anh 2	3				45							45
2	4010202	Vật lý đại cương A2 + TN	3				30		15					45
3	4040101	Địa chất đại cương	3				45							45
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				30							30
5	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3				45							45
6	4010702	Giáo dục thể chất 2	1				15							15
7	4040301	Tính thể khoáng vật + TN	3				30		15					45
8		Môn tự chọn A (ngành DCDC)	3											
Học Kỳ Thứ 4														
1	4010406	Hình hoạ và vẽ kỹ thuật + BTL	3				45							45
2	4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	2				30							30
3	4010703	Giáo dục thể chất 3	1				15							15
4	4040304	Thạch học 1 + TN	4				45		15					60
5	4050526	Trắc địa đại cương	2				30							30
6	4050527	Thực tập trắc địa đại cương	1						15					15
7	4040113	Thực tập địa chất đại cương	2						30					30
8		Môn tự chọn A (ngành DCDC)	3											

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

Phiên bản: Phiên bản (PB)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	DA	LA	TT	TS
Học Kỳ Thứ 5														
1	4040310	Địa hoá	2				30							30
2	4040401	Địa chất các mỏ khoáng + TH	3				30		15					45
3	4040104	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	3				45							45
4	4040616	Cơ sở địa chất thủy văn - địa chất công trình	3				45							45
5	4060142	Địa vật lý đại cương	2				30							30
6	4060143	Thực tập địa vật lý đại cương	1						15					15
7	4010704	Giáo dục thể chất 4	1				15							15
8		Môn tự chọn A (ngành DCDC)	3											
Học Kỳ Thứ 6														
1	4040402	Các mỏ khoáng kim loại + TH	3				30		15					45

2	4040115	Thực tập địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	3					45						45
3	4040201	Phương pháp tìm kiếm mỏ khoáng +TH	3				30	15						45
4	4040403	Các mỏ khoáng không kim loại +TH	3				30	15						45
5	4040404	Các mỏ nhiên liệu	2				30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											
8	4010705	Giáo dục thể chất 5	1				15							15

Hướng chuyên sau (DCDC_DCDC2): Địa chất khu vực và Địa chất môi trường

Học Kỳ Thứ 7

1	4040205	Tin ứng dụng trong Địa chất	2				30							30
2	4040136	Ứng dụng địa chất cấu tạo trong nghiên cứu tai biến địa chất	2				30							30
3	4060436	Kỹ thuật khoan	2				30							30
4	4040112	Kiến tạo mảng	2				30							30
5	4040406	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	3				45							45
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Học Kỳ Thứ 8

1	4040108	Địa chất biển đại cương	2				30							30
2	4040405	Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng	2				30							30
3	4040111	Địa chất môi trường	2				30							30
4	4040117	Phân tích cấu tạo nhỏ	2				30							30
5	4040120	Thực tập sản xuất	3					45						45
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Học Kỳ Thứ 9

1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3				45							45
---	---------	--	---	--	--	--	----	--	--	--	--	--	--	----

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

Phiên bản: Phiên bản (PB)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	DA	LA	TT	TS
2	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	2				30							30
3	4040106	Địa chất Việt Nam	2				30							30
4	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	4				60							60
5	4060202	Phân tích bề trầm tích	2				30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Học Kỳ Thứ 10

1	4040121	Thực tập tốt nghiệp	4						60					60
2	4040122	Đồ án tốt nghiệp	7									105		105

Hướng chuyên sau (DCDC_DCDC1): Địa chất thăm dò và khoáng sản

Học Kỳ Thứ 7

1	4040202	Toán địa chất	2				30							30
2	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	4				60							60
3	4040405	Kiến trúc trường quặng và mỏ quặng	2				30							30
4	4040406	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	3				45							45
5	4060436	Kỹ thuật khoan	2				30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Học Kỳ Thứ 8

1	4040408	Khoáng tướng + TH	3				30		15					45
2	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2				30							30
3	4040111	Địa chất môi trường	2				30							30

4	4040204	Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	2					30							30
5	4040219	Thực tập sản xuất	3						45						45
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2												
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2												

Học Kỳ Thứ 9

1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3					45							45
2	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	2					30							30
3	4040207	Địa chất mỏ	2					30							30
4	4040106	Địa chất Việt Nam	2					30							30
5	4040205	Tin ứng dụng trong Địa chất	2					30							30
6		Môn tự chọn C (toàn trường)	2												
7		Môn tự chọn B (khoa 04)	2												

Học Kỳ Thứ 10

1	4040220	Thực tập tốt nghiệp	4						60						60
2	4040221	Đồ án tốt nghiệp	7									105			105

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

Phiên bản: Phiên bản (PB)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	DA	LA	TT	TS
-----	-------	-------------	-------	----	------	-----	----	----	----	----	----	----	----	----

Hướng chuyên sau (DCDC_DCDC4): Địa chất biển

Học Kỳ Thứ 7

1	4040901	Các phương pháp nghiên cứu biển	2					30							30
2	4040103	Cổ sinh địa sử	2					30							30
3	4040411	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	2					30							30
4	4060436	Kỹ thuật khoan	2					30							30
5	4040108	Địa chất biển đại cương	2					30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2												
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2												

Học Kỳ Thứ 8

1	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	4					60							60
2	4040902	Môi trường trầm tích	2					30							30
3	4040111	Địa chất môi trường	2					30							30
4	4040903	Các quá trình thủy động học và vận chuyển trầm tích	2					30							30
5	4040904	Tiến hóa đới bờ	2					30							30
6	4040120	Thực tập sản xuất	3						45						45
7		Môn tự chọn B (khoa 04)	2												
8		Môn tự chọn C (toàn trường)	2												

Học Kỳ Thứ 9

1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3					45							45
2	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	2					30							30
3	4040109	Phương pháp viễn thám trong địa chất	2					30							30
4	4040412	Khoáng sản biển đại cương	2					30							30
5	4040106	Địa chất Việt Nam	2					30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2												
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2												

Học Kỳ Thứ 10

1	4040121	Thực tập tốt nghiệp	4						60						60
2	4040122	Đồ án tốt nghiệp	7									105			105

Hướng chuyên sau (DCDC_DCDC3): Địa hóa - khoáng vật - thạch học

Học Kỳ Thứ 7

1	4040117	Phân tích cấu tạo nhỏ	2					30							30
2	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	4					60							60
3	4040302	Khoáng vật chuyên ngành	2					30							30

4	4040406	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	3					45							45
5	4060436	Kỹ thuật khoan	2					30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2												

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

Phiên bản: Phiên bản (PB)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	DA	LA	TT	TS
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Học Kỳ Thứ 8

1	4040408	Khoáng tướng + TH	3				30		15					45
2	4040111	Địa chất môi trường	2				30							30
3	4040204	Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	2				30							30
4	4040311	Địa hoá môi trường	2				30							30
5	4040315	Thực tập sản xuất	3						45					45
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Học Kỳ Thứ 9

1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3				45							45
2	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	2				30							30
3	4040106	Địa chất Việt Nam	2				30							30
4	4040306	Thạch học chuyên ngành phần 1	2				30							30
5	4040307	Thạch học chuyên ngành phần 2	2				30							30
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Học Kỳ Thứ 10

1	4040316	Thực tập tốt nghiệp	4						60					60
2	4040317	Đồ án tốt nghiệp	7									105		105

Hướng chuyên sâu (DCDC_DCDC5): Địa chất khai thác mỏ

Học Kỳ Thứ 7

1	4040203	Phương pháp thăm dò mỏ + BTL	4				60							60
2	4040406	Tiếng Anh chuyên ngành địa chất	3				45							45
3	4050505	Hình học mỏ	4				60							60
4	4060436	Kỹ thuật khoan	2				30							30
5		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
6		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Học Kỳ Thứ 8

1	4100139	An toàn và bảo vệ môi trường trong xây dựng công trình ngầm và mỏ	2				30							30
2	4040111	Địa chất môi trường	2				30							30
3	4040204	Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	2				30							30
4	4040208	Cơ sở địa chất và phương pháp thăm dò mỏ than	2				30							30
5	4040219	Thực tập sản xuất	3						45					45
6		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (1_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

Phiên bản: Phiên bản (PB)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	DA	LA	TT	TS
7		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Học Kỳ Thứ 9

1	4020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	3				45							45
2	4030225	Cơ sở khai thác mỏ	2				30							30
3	4040106	Địa chất Việt Nam	2				30							30

4	4040207	Địa chất mỏ	2				30							30
5	4040209	Công tác địa chất trong các xí nghiệp khai thác than	2				30							30
6	4040211	Thực tập địa chất mỏ	1						15					15
7		Môn tự chọn B (khoa 04)	2											
8		Môn tự chọn C (toàn trường)	2											

Học Kỳ Thứ 10

1	4040220	Thực tập tốt nghiệp	4						60					60
2	4040221	Đồ án tốt nghiệp	7									105		105

Môn tự chọn A (ngành DCDC) (_ADCDC): Tín chỉ tự chọn 6

1	4010303	Hoá vô cơ phần 1 + TN	3				30		15					45
2	4010305	Hóa phân tích phần 1+ TN	3				30		15					45
3	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	3				30		15					45

Môn tự chọn B (khoa 04) (_BKH04): Tín chỉ tự chọn 8

1	4030113	Kỹ thuật khoan nổ mìn	2				30							30
2	4030306	Cơ học đá và khối đá I	2				30							30
3	4040103	Cổ sinh địa sử	2				30							30
4	4040107	Địa mạo và trầm tích đệ tứ	2				30							30
5	4040108	Địa chất biển đại cương	2				30							30
6	4040109	Phương pháp viễn thám trong địa chất	2				30							30
7	4040111	Địa chất môi trường	2				30							30
8	4040112	Kiến tạo mảng	2				30							30
9	4040117	Phân tích cấu tạo nhỏ	2				30							30
10	4040118	Các mô hình địa động lực	2				30							30
11	4040119	Địa chất du lịch	2				30							30
12	4040136	Ứng dụng địa chất cấu tạo trong nghiên cứu tai biến địa chất	2				30							30
13	4040202	Toán địa chất	2				30							30
14	4040206	Hệ thống thông tin địa lý ứng dụng trong địa chất (GIS)	2				30							30
15	4040210	Lập và phân tích dự án đầu tư phát triển mỏ	2				30							30
16	4040217	Địa thống kê	2				30							30
17	4040218	Luật khoáng sản và luật môi trường	2				30							30

Chương trình: Đại học (Tín chỉ) (I_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

Phiên bản: Phiên bản (PB)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	DA	LA	TT	TS
18	4040303	Khoáng vật sét	2				30							30
19	4040310	Địa hoá	2				30							30
20	4040312	Trầm tích học	2				30							30
21	4040318	Địa hoá môi trường sinh thái	2				30							30
22	4040407	Kinh tế nguyên liệu khoáng	2				30							30
23	4040409	Khoáng sàng đại cương	2				30							30
24	4040412	Khoáng sản biển đại cương	2				30							30
25	4040413	Khoáng sản Việt Nam	2				30							30
26	4040506	Địa chất động lực công trình	3				45							45
27	4040529	Thiết bị khảo sát trong địa chất công trình	2				30							30
28	4040602	Thủy văn đại cương	2				30							30
29	4040630	Quản lý tài nguyên nước dưới đất	2				30							30
30	4040636	Thoát nước công trình ngầm và mỏ	2				30							30
31	4050501	Trắc địa mỏ lộ thiên và xây dựng mỏ	3				45							45
32	4060103	Thăm dò điện I	3				45							45
33	4060117	Thăm dò địa chấn	3				45							45
34	4060121	Địa vật lý giếng khoan + TH	3				30		15					45

35	4060124	Địa nhiệt	2				30							30
36	4080203	Cơ sở lập trình	3				45							45
37	4090413	Thủy lực cơ sở B	2				30							30

Môn tự chọn C (toàn trường) (CCHUNG): Tín chỉ tự chọn 8

1	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2		0101		30							30
2	4000002	Tâm lý học đại cương	2		0101		30							30
3	4000003	Tiếng Việt thực hành	2		0101		30							30
4	4000004	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2		0101		30							30
5	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2		0101		30							30
6	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2		0101		30							30
7	4010403	Autocad + TH	2				15		15					30
8	4010603	Tiếng Anh 3	2				30							30
9	4010604	Tiếng Anh 4	2				30							30
10	4010605	Tiếng Nga 1	2				30							30
11	4010606	Tiếng Nga 2	2				30							30
12	4010607	Tiếng Trung 1	2				30							30
13	4010608	Tiếng Trung 2	2				30							30
14	4020104	Lịch sử Triết học	2		0101		30							30
15	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2				30							30
16	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2				30							30
17	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2				30							30
18	4040101	Địa chất đại cương	3				45							45
19	4040110	Địa mạo cảnh quan	2				30							30
20	4040517	Cơ sở địa chất công trình - địa chất thủy văn	3				45							45
21	4040825	Cơ sở sinh vật học	2				30							30

Bậc hệ: Đại học (Tín chỉ) (I_1)

Ngành: Địa chất (DCDC)

Phiên bản: Phiên bản (PB)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BB	BBTC	BTL	LT	BT	TH	TN	DA	LA	TT	TS
22	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)- A(cho ngành Trắc địa) + BTL	3				45							45
23	4050206	Trắc địa mặt cầu + BTL	2				30							30
24	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3				45							45
25	4050302	Cơ sở viễn thám	2				30							30
26	4050509	Kỹ thuật môi trường	2				30							30
27	4050513	Quy hoạch và quản lý môi trường	2				30							30
28	4050526	Trắc địa đại cương	2				30							30
29	4050602	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	2				30							30
30	4050610	Địa chính đô thị	2				30							30
31	4050616	Quản lý bất động sản	2				30							30
32	4050621	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2				30							30
33	4050623	Hệ thống thông tin đất đai 2	2				30							30
34	4050649	Quy hoạch vùng	3				45							45
35	4050650	Phương pháp lập dự án đầu tư	2				30							30
36	4050653	Quản lý đất đô thị	2				30							30
37	4060142	Địa vật lý đại cương	2				30							30
38	4060339	Cơ sở lọc hóa dầu	2				30							30
39	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2				30							30
40	4070304	Kinh tế và quản trị doanh nghiệp	3				45							45
41	4070331	Quản trị dự án đầu tư	2				30							30
42	4070335	Một số vấn đề cơ bản về quản lý Nhà nước trong hoạt động dầu khí	2				30							30
43	4070336	Văn hóa doanh nghiệp	2				30							30
44	4070401	Nguyên lý kế toán	3				45							45

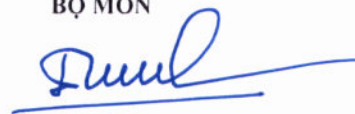
45	4070403	Kế toán tài chính I	4				60							60
46	4080153	Thiết kế Website	2				30							30
47	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2				30							30
48	4090301	Kỹ thuật điện +TN	3				30		15					45
49	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mở	2				30							30
50	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2				30							30
51	4110130	Địa y học	2				30							30
52	4110236	Môi trường và con người	2				30							30

KHOA



PGS.TS Nguyễn Văn Lâm

BỘ MÔN



TS Nguyễn Tiến Dũng

Số: 1975/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chuẩn đầu ra các chuyên ngành đào tạo tại
Trường Đại học Mỏ - Địa chất**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Công văn số 2435/BGDĐT-GDĐH ngày 12/4/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về rà soát chuẩn đầu ra các ngành đào tạo và biên soạn giáo trình;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 772/QĐ-MĐC ngày 24/6/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Công văn số 343/MĐC-ĐTĐH ngày 16/9/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát Chương trình đào tạo, Chuẩn đầu ra;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ Chuẩn đầu ra các chuyên ngành đào tạo tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Điều 2. Chuẩn đầu ra là cơ sở pháp lý để Trường Đại học Mỏ - Địa chất xây dựng chương trình đào tạo, tổ chức hoạt động đào tạo, kiểm tra giám sát các hoạt động đào tạo và xây dựng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HCTH, ĐTĐH_(Mai)



PGS.TS Lê Hải An

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 1975/QĐ-MĐC ngày 22 tháng 10 năm 2016
của Hiệu trưởng trường Đại học Mở - Địa chất)

1. Tên Chương trình đào tạo

1.1. Tên tiếng Việt:

Ngành đào tạo:

Kỹ thuật Địa chất

Mã số: 52520501

Chuyên ngành đào tạo:

Địa chất

Mã số: 5252050101

1.2. Tên tiếng Anh:

Major:

GeoEngineering

Speciality training:

Geology

2. Trình độ đào tạo:

Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức:

Hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành Địa chất được thiết kế theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

3.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức về khoa học cơ bản, trong đó có toán, vật lý và hóa học làm nền tảng cho những kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành sau này; có sức khỏe và những kiến thức cần thiết đáp ứng yêu cầu học tập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Kiến thức cơ sở ngành

Kiến thức cơ sở ngành: nắm vững các kiến thức cơ sở về địa chất như địa chất đại cương, địa chất cấu tạo, tinh thể khoáng vật, thạch học, địa mạo, địa vật lý, khoáng sản đại cương,... và các phương pháp nghiên cứu.

3.3. Kiến thức chuyên ngành:

Nắm vững những kiến thức chuyên sâu về địa chất, các phương pháp nghiên cứu địa chất trong phòng và ngoài trời, am hiểu và nắm vững các kiến thức chung về địa chất, khoáng sản, các phương pháp tìm kiếm và thăm dò khoáng sản, các yêu cầu công nghiệp và các lĩnh vực chính có sử dụng khoáng sản; Các kiến thức chuyên sâu về khoáng vật nguồn gốc, thạch luận và địa hóa môi trường, địa kiến tạo, cấu trúc địa chất, kiến trúc trường quặng, toán địa chất và địa thống kê,...

4. Yêu cầu về kỹ năng:

4.1. Kỹ năng cứng (Kỹ năng chuyên môn; Năng lực thực hành nghề nghiệp; Kỹ năng xử lý tình huống; Kỹ năng giải quyết vấn đề; các kỹ năng cứng khác (nếu có))

- Có kiến thức cơ sở chuyên môn vững chắc để có thể thích ứng tốt với những công việc khác nhau thuộc lĩnh vực nghiên cứu địa chất.

- Có khả năng áp dụng các kiến thức cơ sở toán, vật lý, hóa học, khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để triển khai công tác đo vẽ bản đồ địa chất, điều tra đánh giá tài nguyên khoáng sản và tìm kiếm, thăm dò các mỏ khoáng sản rắn; các nghiên cứu chuyên sâu về cấu trúc kiến tạo, khoáng sản, thạch luận các đá magma, trầm tích và biến chất, dự báo tài nguyên khoáng sản rắn.

- Có khả năng ứng dụng các kỹ thuật tiên tiến trong nghiên cứu địa chất nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng công việc.

4.2. Kỹ năng mềm (Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng làm việc theo nhóm; Khả năng sử dụng tin học, ngoại ngữ,...; Các kỹ năng mềm khác (nếu có))

- Chuẩn đầu ra ngoại ngữ và tin học: Phù hợp với yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông, cụ thể khi sv tốt nghiệp phải đạt trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ VN và chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản.

- Tính chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân: có tính năng động, sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm trong công việc; có khả năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề; có khả năng tự bồi dưỡng, nắm bắt được các tiến bộ khoa học kỹ thuật và ý thức học suốt đời.

- Làm việc theo nhóm: có kỹ năng làm việc hiệu quả theo nhóm; kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại.

5. Yêu cầu về thái độ:

- Phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân
- Trách nhiệm, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ
- Khả năng cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc

6. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi tốt nghiệp có thể được tiếp tục đào tạo ở các bậc đào tạo cao hơn như Thạc sỹ, Tiến sỹ... ở các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước

7. Vị trí của người học sau khi tốt nghiệp:

Có năng lực làm việc tại các cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, các Công ty, Tổng Công ty thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công Thương, Bộ Xây Dựng,.... Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, các Liên Đoàn Địa chất thuộc Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, các Viện nghiên cứu, Trung tâm Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố. Các kỹ sư chuyên ngành Địa chất có thể làm việc trong các đơn vị đào tạo, các đơn vị nghiên cứu, sản xuất địa chất và khai thác khoáng sản hoặc học tiếp ở bậc học cao hơn.

8. Các chương trình tài liệu chuẩn tham khảo

Chương trình đào tạo chuyên ngành Địa chất được tham khảo trên khung chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật Địa chất của các trường đại học:

[1]. Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Chuyên ngành Địa chất.

9. Các nội dung khác (nếu có)